

Bản án số: 03/2025/KDTM – ST
Ngày: 18 – 9 – 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tà và ông Lê Thế Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2024/TLST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2025/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2025; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 08/2025/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025 và Thông báo số 45/TB-TA ngày 10 tháng 9 năm 2025 về thời gian tiếp tục phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV X; địa chỉ: Thôn E, xã K, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H – Chức vụ: Giám đốc – Có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH MTV X; địa chỉ: Thôn F, xã K, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quyết T – Chức vụ: Giám đốc – Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tôn Nữ Diệu H1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt

- Ông Lê Xuân P, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn A, xã K, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
- Ông Võ Kết N; địa chỉ: Tổ C, thôn E, xã N, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
- Ông Thái Phúc T1, ông Đinh Công M, ông Y-D1, ông Phạm Ngọc H2, ông Lâm Việt T2, ông Hà Quốc H3, ông Phạm Hoàng T3, ông Đặng Văn S, ông Ngô Hữu Thanh Q – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2024, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Công ty TNHH MTV X (gọi tắt là Công ty X) và công ty TNHH MTV X (gọi tắt là Công ty X) có làm ăn với nhau. Công ty X kinh doanh xe tải thường xuyên mua bán vỏ ruột, mâm xe ô tô với hình thức tài xế thuộc quản lý của Công ty X mang xe tới thay vỏ xe, mâm xe, ruột xe và là người trực tiếp ký vào sổ hoặc hóa đơn bán lẻ của công ty X, còn giá cả thì người đại diện của Công ty X là ông H báo bằng điện thoại với Công ty X trước khi ký vào sổ hoặc hóa đơn bán lẻ của công ty. Việc làm ăn cụ thể như sau:

Năm 2018-2019: người đại diện của công ty X là ông H và người đại diện của công ty X là ông T2, bà H1 cùng có chốt lại số nợ mà công ty X còn nợ là (năm 2018 là 100.000.000 đồng và năm 2019 là 354.250.000 đồng). Tổng cộng 02 năm còn nợ lại 454.250.000 đồng. Ngày 22/01/2020, ông T2 - người đại diện của công ty X trực tiếp trả cho công ty X 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 404.250.000 đồng. Hai bên có viết giấy chốt lại công nợ do người đại diện của công ty X là ông H viết và người đại diện của công ty X là ông T2 ký xác nhận.

Năm 2020 công ty X và công ty X tiếp tục mua bán làm ăn với nhau. Ngày cuối cùng của việc mua bán là ngày 20/3/2021. Công ty X và công ty X mua bán cụ thể số tiền 439.600.000 đồng, trong đó công ty X trả cho công ty X nhiều lần với số tiền 184.800.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 254.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền công ty X còn nợ công ty X từ năm 2018 đến năm 2021 là 659.050.000 đồng.

Nay công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty X phải trả cho công ty X số tiền là 404.250.000 đồng; rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc công ty X phải trả số tiền là 254.800.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Quyết T trình bày:

Ông T thừa nhận rằng từ năm 2018 đến năm 2021 giữa Công ty TNHH MTV X do ông Nguyễn Xuân H làm Giám đốc và Công ty TNHH MTV X do ông T làm Giám đốc có việc làm ăn như ông H đã trình bày.

Tuy nhiên với yêu cầu khởi kiện của công ty X thì công ty X không đồng ý, bởi vì:

Đối với số tiền 404.250.000 đồng thì ông T xác nhận chữ ký và chữ của ông T, nhưng ông T ký là để Công ty X xuất hóa đơn, chứ không phải ký để nhận nợ. Thời điểm ông T ký xác nhận vào tờ giấy ghi sổ nợ 404.250.000 đồng thì chỉ có dòng chữ “đã XH Đơn 2019”, còn những nội dung đã viết phía trên: “*Chú T = cũ 2018 còn 100.000.000; 2019 tổng cộng lại còn = 354.250.000; tổng cộng (2 năm) 454.250.000; 22/1/2020 tiến trả anh H 50.000.000; còn nợ Xuân Hậu 404.250.000*” là không có, do ai viết thêm ông T không biết.

Đối với số tiền 254.800.000 đồng mà công ty X tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện thì ông T không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tôn Nữ Diệu H1 trình bày:

Bà H1 là vợ của ông Nguyễn Quyết T. Trong quá trình làm ăn giữa Công ty X và Công ty X, bà H1 là người trực tiếp đối chiếu sổ sách với công ty X. Đối với yêu cầu khởi kiện của công ty X thì bà H1 không đồng ý, bởi vì:

Về số tiền nợ 404.250.000 đồng của Công ty X là không đúng do ngày 13/01/2020 bà H1 có xác nhận vào sổ của Công ty X nội dung là “178.820” (tức là 178.820.000 đồng), tại thời điểm bà H1 ký xác nhận để nhận hóa đơn không có những nội dung sau: “*Chú Tiến Cò 2018 còn 100.000.000; Chuyển qua nợ = 2019=354.250.000; 13/01/2020 tổng cộng đã tính với vợ chú T là = 454.250.000; 22/1/2020 dương lịch tiến trả 50.000.000; tiến còn nợ = 404.250.000*”, do ai viết thêm thì bà H1 không biết.

Đối với số tiền 254.800.000 đồng mà công ty X tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện thì bà H1 không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân P trình bày:

Ông P là tài xế lái xe cho công ty X từ năm 2018 đến năm 2020. Giữa ông P và công ty X không có ký kết hợp đồng lao động. Công việc của ông P là lái xe tải cho công ty X, theo đó ông P được giao lái xe tải có biển kiểm soát là 48C-05218. Xe tải trên là do công ty X giao cho ông P để lái và vận chuyển các loại hàng hóa. Quy trình sửa chữa xe tải giữa Công ty X và công ty X diễn ra như sau: Trường hợp có xe tải cần phải thay vỏ lốp thì trước khi tài xế điều xe đến công ty X thì tài xế phải báo trước cho công ty X, sau khi công ty X đồng ý thì tài xế mới điều xe đến công ty X để thay lốp. Sau khi thay lốp xong thì công ty X phải xuất thành 02 hóa đơn, một hóa đơn đỏ do công ty X giữ và một bản (in than) sẽ do tài xế mang về để công ty X tất toán nợ với công ty X. Mục đích tài xế ký xác nhận vào hóa đơn mua bán với công ty X là để xác nhận vào ngày giờ đó, có sự việc xe tải thuộc quản lý của công ty X phát sinh việc thay vỏ lốp xe, để cho công ty X có thể kiểm soát lốp xe.

Không có việc tài xế ký xác nhận vào hóa đơn mua bán với công ty X để tài xế nhận nợ cho cá nhân tài xế hay là để nhận nợ thay cho công ty X, nghĩa vụ thanh toán tiền là thuộc về công ty X chứ không thuộc về tài xế. Đối với 04 hóa đơn mua bán với công ty X vào các ngày 12/6/2020; ngày 13/7/2020; ngày 25/7/2020; ngày 20/9/2020 thì ông P xác nhận đây là chữ ký chữ viết của ông P. Mục đích ông P ký là xác nhận vào các ngày trên có phát sinh việc thay vỏ lốp xe của xe tải mang biển kiểm soát số 48C-05218 do công ty X sở hữu, không phải là để ông P nhận nợ đối với công ty X. Việc thanh toán đối với 04 hóa đơn trên là thuộc về nghĩa vụ của công ty X chứ không phải thuộc về ông P. Ngoài ra ông P còn ký xác nhận vào sổ có giấy ô-li hoặc có giấy kê ngang của công ty X, với mục đích là xác nhận vào các ngày trên có phát sinh việc thay vỏ lốp xe của xe tải mang biển kiểm soát số 48C-05218 do công ty X sở hữu, không phải là để ông P nhận nợ đối với công ty X. Việc thanh toán đối với công ty X là thuộc về công ty X chứ không phải thuộc về ông P. Trong quá trình ông P làm việc tại công ty X thì công ty X chưa lần nào giao tiền cho ông P để ông P đem trả cho công ty X.

Nay đối với tranh chấp giữa công ty X và công ty X thì ông P đề nghị công ty X khởi kiện đối với công ty X. Còn bản thân ông P đã không còn làm việc tại công ty X từ năm 2021 cho đến nay, ông không tham gia hay liên quan đến bất cứ giao dịch nào giữa công ty X và công ty X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Kết N trình bày:

Ông Nghĩa là tài xế lái xe cho công ty X từ năm 2017 đến năm 2021. Ông N và công ty X không có ký kết hợp đồng lao động. Công việc của ông N tại công ty X là lái xe tải cho công ty X, theo đó ông N được giao lái xe tải có biển kiểm soát là 48C-03153. Xe tải trên là do công ty X giao cho ông N để lái và vận chuyển các loại hàng hóa. Quy trình sửa chữa xe tải giữa Công ty X và công ty X diễn ra như sau: Trường hợp có xe tải cần phải thay vỏ lốp thì trước khi tài xế điều xe đến công ty X thì tài xế phải báo trước cho công ty X, sau khi công ty X đồng ý thì tài xế mới điều xe đến công ty X để thay lốp. Sau khi thay lốp xong thì công ty X phải xuất thành 02 hóa đơn, một hóa đơn đỏ do công ty X giữ và một bản (in than) sẽ do tài xế mang về công ty X để công ty X tất toán nợ với công ty X. Mục đích tài xế ký xác nhận vào hóa đơn mua bán với công ty X là để xác nhận vào ngày giờ đó, có sự việc xe tải thuộc quản lý của công ty X phát sinh việc thay vỏ lốp xe, để cho công ty X có thể kiểm soát lốp xe. Không có chuyện tài xế ký xác nhận vào hóa đơn mua bán với công ty X là để tài xế nhận nợ cho cá nhân tài xế hay là để nhận nợ thay cho công ty X, nghĩa vụ thanh toán tiền là thuộc về công ty X chứ không thuộc về tài xế lái xe.

Đối với 02 hóa đơn mua bán với công ty X vào các ngày 22/5/2020; ngày 12/12/2020 thì ông N xác nhận đây là chữ ký chữ viết của ông N. Mục đích ông N ký là xác nhận vào các ngày trên có phát sinh việc thay vỏ lốp xe của xe tải mang biển kiểm soát số 48C-03153 do công ty X sở hữu, không phải là để ông N nhận nợ đối với công ty X. Việc thanh toán đối với 02 hóa đơn trên là thuộc về nghĩa vụ của công ty X chứ không phải thuộc về ông N. Ngoài ra ông N còn ký xác nhận vào sổ có giấy ô-li hoặc giấy kê ngang của công ty X, với mục đích là xác nhận vào các ngày trên có phát sinh việc thay vỏ lốp xe của xe tải mang biển kiểm soát số 48C-03153 do công ty X sở hữu, không phải là để ông N nhận nợ đối với công ty X. Việc thanh toán đối với công ty X là thuộc về nghĩa vụ của công ty X chứ không phải thuộc về ông N. Trong quá trình ông N làm việc tại công ty X thì công ty X chưa lần nào giao tiền cho ông N để đem trả cho công ty X.

Nay đối với tranh chấp giữa công ty X và công ty X thì ông N đề nghị công ty X khởi kiện đối với công ty X. Còn bản thân ông N đã không còn làm việc tại công ty X nữa, ông N không còn tham gia hay liên quan đến bất cứ giao dịch nào giữa công ty X và công ty X.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Phúc T1, ông Đình Công M, ông Y – D1, ông Phạm Ngọc H2, ông Lâm Viết T2, ông Hà Quốc H3, ông Phạm Hoàng T3, ông Đặng Văn S, ông Ngô Hữu Thanh Q:

Ngày 06/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng đã ban hành Thông báo số 17/TB-TA yêu cầu cả nguyên đơn và bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh địa chỉ và số điện thoại liên hệ đối với các cá nhân có tên Lê Xuân P, Võ Kết N, Thái Phúc T1, Đình Công M, Y – D, Phạm Ngọc H2, Lâm Viết T2, Hà Quốc H3, Phạm Hoàng T3, Đặng Văn S, Ngô Hữu Thanh Q. Tuy nhiên bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ; người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H chỉ cung cấp được thông tin đối với ông Lê Xuân P và Võ Kết N. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận được ý kiến của ông P và ông N, không ghi nhận được ý kiến của các cá nhân còn lại.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, đúng thẩm quyền giải quyết vụ án để áp dụng các quy định pháp luật giải quyết, được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 28, 35, 39, 68 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký được phân công nhiệm vụ đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 51, Điều 302, Điều 303 Luật Thương mại 2005; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV X: Buộc Công ty TNHH MTV X phải trả cho Công ty TNHH MTV X số tiền 404.250.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV X về việc buộc Công ty TNHH MTV X phải trả số tiền là 254.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH MTV X có trụ sở tại thôn F, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV X về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV X thanh toán nợ đối với việc mua bán hàng hóa từ năm 2018 đến năm 2021. Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 24 Luật Thương mại 2005.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với số tiền nợ 404.250.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của công ty X là ông Nguyễn Xuân H, người đại diện theo pháp luật của công ty X là ông Nguyễn Quyết T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tôn Nữ Diệu H1, đều thừa nhận: Công ty X và Công ty X làm ăn với nhau từ năm 2016 đến năm 2021. Hình thức mua bán là tài xế công ty X mang xe tới thay vỏ xe, mâm xe, ruột xe và trực tiếp ký vào sổ hoặc hóa đơn bán lẻ của công ty X, còn giá cả thì công ty X báo bằng điện thoại với công ty X trước khi tài xế ký vào sổ hoặc hóa đơn bán lẻ của công ty. Vì vậy, giữa công ty X và công ty X có việc mua bán, thay vỏ xe, mâm xe, ruột xe với nhau. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Điều 92. Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh

...

2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

...

Theo trình bày của ông H (người đại diện theo pháp luật của công ty X): Năm 2018 Công ty X còn nợ số tiền là 100.000.000 đồng, năm 2019 còn nợ số tiền 354.250.000 đồng. Ngày 22/01/2020 ông H – người đại diện của công ty X và ông T – người đại diện của công ty X, bà H1 đã cùng chốt lại số nợ, ông T trả trực tiếp cho công ty X số tiền 50.000.000 đồng và ông T có ký xác nhận số tiền mà công ty X còn nợ công ty X từ năm 2018 đến 2019 là 404.250.000 đồng.

Ông T – người đại diện của công ty X cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết tại sổ ghi nợ của công ty X vào ngày 22/01/2020 là của ông T, nhưng ông T cho rằng mục đích ông ký là để xuất hóa đơn, thời điểm ông T ký vào sổ nợ thì chỉ có dòng chữ “*đã XH Đơn 2019*”, không có dòng chữ “*Chú Tiến Cò 2018 còn 100.000.000; Chuyển qua nợ = 2019=354.250.000; 13/01/2020 tổng cộng đã tính với vợ chú T là = 454.250.000; 22/1/2020 dương lịch tiến trả 50.000.000; tiến còn nợ = 404.250.000*”. Do ai viết thêm ông T không biết.

Bà H1 – người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng: ngày 13/01/2020 bà H1 có ký xác nhận vào sổ của Công ty X nội dung là “*13/1/2020 Bé lấy HĐ 178.820*”, thì không có toàn bộ nội dung: “*Chú T cò 2018 còn 100.000.000; Chuyển qua nợ = 2019=354.250.000; 13/01/2020 tổng cộng đã tính với vợ chú T là = 454.250.000; 22/1/2020 dương lịch tiến trả 50.000.000; tiến còn nợ = 404.250.000*”, nếu ngày đó có nội dung trên thì bà phải ký và xác nhận nợ dưới cùng của trang. Còn các nội dung trong biên bản hòa giải thì bà không có ý kiến gì.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa cả ông T, bà H1 đều không xuất trình được hóa đơn ghi số tiền là 178.820.000 đồng mà Công ty X đã xuất cho công ty X vào ngày 13/01/2020 theo như bà H1 trình bày, đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh tại thời điểm ông T ký vào sổ nợ của công ty X vào ngày 20/01/2020 thì không có dòng chữ “*Chú Tiến Cò 2018 còn 100.000.000; Chuyển qua nợ = 2019=354.250.000; 13/01/2020 tổng cộng đã tính với vợ chú T là = 454.250.000; 22/1/2020 dương lịch tiền trả 50.000.000; tiền còn nợ = 404.250.000*”. Trong khi đó tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

Điều 91: Nghĩa vụ chứng minh

...

4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*

Về chứng cứ: Ngoài giấy xác nhận nợ của ông Nguyễn Xuân H đối với số tiền 404.250.000 đồng, Tòa án cũng đã yêu cầu Chi cục Thuế khu vực Đ – Tuy Đức cung cấp toàn bộ hóa đơn mua bán hàng hóa giữa công ty X và công ty X. Tuy nhiên, ngày 17/01/2025, Chi cục Thuế khu vực Đ – T đã trả lời “*Thời điểm trên chưa triển khai Hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ T6, nên không thể cung cấp được hóa đơn mua bán hàng hóa giữa hai công ty*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy chốt nợ, các tài liệu, chứng cứ mà đương sự cung cấp để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông T – người đại diện của công ty X và bà H1 – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng: đối với tờ giấy kê ngang có nội dung: “*Chú T cò 2018 còn 100.000.00; chuyển qua nợ = 2019 = 354.250.000; 13/1/2020 Bé lấy HĐ (178.820); ký nhận (hiên); 13/1/2020 tổng cộng để tính với vợ chú tiến là = 454.250.000; 22/1/2020 dương lịch tiền trả 50.000.000; tiền còn nợ = 404.250.000*”, thì khi bà H1 ký chỉ có dòng “*13/1/2020 B lấy HĐ (178.820)*”, không có các nội dung khác và cùng ngày 13/01/2020 bà H1 không ký nhận nợ.

Ông H cho rằng: ngày 13/01/2020 bà H1 đã xác nhận hóa đơn và công nợ nhưng do không có tiền trả cho nên không xác nhận. Sau này ông T trả 50.000.000 đồng vào ngày 22/01/2020 thì mới ghi để tính nợ với ông T chốt công nợ bằng giấy và có chữ ký của ông T xác nhận nợ. Xét lý giải về trình tự thời gian, lời trình bày của ông H là phù hợp cần chấp nhận và không chấp nhận với trình bày của ông T, bà H1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo số 17/TB-TA ngày 06/8/2025 về cung cấp địa chỉ của các người liên quan cho nguyên đơn, bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp, nguyên đơn cung cấp được thông tin của 04 người, Tòa án làm việc được với 02 người là Lê Xuân P và Võ Kết N, cả ông P và ông N đều xác nhận về việc ký vào sổ nợ và hóa đơn của Công ty X là để chứng minh xe Công ty X có thay vỏ, lốp....tại Công ty X, còn nghĩa vụ thanh toán là của Công ty X không phải thuộc về các tài xế, xét lời khai của ông P, ông Nghĩa L phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của công ty X buộc công ty X phải thanh toán số nợ là 404.250.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[3.2] Đối với số tiền nợ là 254.800.000 đồng

Ngày 08/9/2025, công ty X đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc công ty X phải trả số tiền là 254.800.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu công ty X và công ty X cung cấp thông tin đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Y – D1, ông Lê Xuân P, ông Đặng Văn S, ông Nguyễn T4, ông Võ Kết N, ông Ngô Hữu Thanh Q, ông Lâm Việt T5, ông Phạm Hoàng T3, ông Thái Phúc T1, ông Đinh Công M, ông Phan Ngọc H4, ông Hà Quốc H3 – là các tài xế thuộc quản lý của công ty X có ký xác nhận vào sổ ghi nợ và các hóa đơn mua bán hàng hóa của công ty X nhằm làm rõ nội dung của các hóa đơn mua bán hàng hóa trong năm 2020 do công ty X1. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của công ty X là tự nguyện, không bị ai ép buộc, việc tham gia tố tụng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên là không cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của công ty X về việc buộc công ty X phải trả số tiền là 254.800.000 đồng do Công ty X rút đơn.

[3.3] Từ các phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty X về việc buộc công ty X trả số tiền là 404.250.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của công ty X về việc buộc công ty X phải trả số tiền là 254.800.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện Công ty X được chấp nhận, nên Công ty X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả; trả lại cho công ty X tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[5] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày

27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV X đối với công ty TNHH MTV X

Buộc Công ty TNHH MTV X phải trả cho Công ty TNHH MTV X số tiền 404.250.000 đồng (*bốn trăm linh bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng công ty TNHH MTV X phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật quy định khác cho Công ty TNHH MTV X theo quy định Điều 306 của Luật Thương mại 2005.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH MTV X về việc buộc công ty TNHH MTV X phải trả số tiền là 254.800.00 đồng

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty TNHH MTV X phải chịu 20.170.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH MTV X 15.181.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002984 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'LáĐ, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng)

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh